

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN
VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN**
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 18

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Xuân Thắng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10/06/2008)
Ông Đinh Hữu Lộc	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 10/06/2008)
Ông Hoàng Xuân Hùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10/06/2008)
Ông Lưu Quang Lâm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10/06/2008)
Bà Vũ Thị Chơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10/06/2008)
Ông Cao Tùng Sơn	Thành viên
Ông Phạm Thành Vinh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10/06/2008)
Ông Đoàn Minh Mẫn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10/06/2008)
Ông Từ Cường	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10/06/2008)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Đình Đức	Tổng Giám đốc
Ông Cao Tùng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thành Vinh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/02/2009)
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18/6/2008)
Ông Nguyễn Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/02/2009)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Phan Đình Đức
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2009
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, đây là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính Công ty mẹ. Do đó, báo cáo tài chính Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 không có số liệu so sánh. Người đọc báo cáo tài chính này cần tham khảo đồng thời báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0022/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 09 tháng 3 năm 2009
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN			
(100 = 110+130+140+150)	100		2.473.565.243.766
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	700.794.827.850
1. Tiền	111		165.794.827.850
2. Các khoản tương đương tiền	112		535.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		670.934.322.028
1. Phải thu của khách hàng	131		6.012.448.312
2. Trả trước cho người bán	132		43.897.449.799
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	5	606.898.941.960
4. Các khoản phải thu khác	135		14.125.481.957
III. Hàng tồn kho	140	6	1.040.358.926.681
1. Hàng tồn kho	141		1.651.390.920.717
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(611.031.994.036)
VI. Tài sản ngắn hạn khác	150		61.477.167.207
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.660.863.804
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		45.443.455.564
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		8.372.847.839
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			
(200=220+250+260)	200		2.598.303.192.497
I. Tài sản cố định	220		1.859.777.097.721
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	1.643.267.627.780
- Nguyên giá	222		5.370.787.341.686
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.727.519.713.906)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	52.890.432.629
- Nguyên giá	228		172.953.702.521
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(120.063.269.892)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	163.619.037.312
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		353.900.018.674
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	148.363.829.467
2. Đầu tư dài hạn khác	258	11	205.536.189.207
III. Tài sản dài hạn khác	260		384.626.076.102
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	377.594.796.226
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		6.996.279.876
3. Tài sản dài hạn khác	268		35.000.000
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		5.071.868.436.263

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		364.379.883.162
I. Nợ ngắn hạn	310		355.149.006.162
1. Phải trả cho người bán	312		202.235.458.192
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		9.706.274.038
3. Phải trả người lao động	315		30.869.424.290
4. Chi phí phải trả	316	13	85.627.655.918
5. Phải trả nội bộ	317		7.482.863.650
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		19.227.330.074
II. Nợ dài hạn	330		9.230.877.000
1. Phải trả dài hạn khác	333		90.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		9.140.877.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	14	4.707.488.553.101
I. Vốn chủ sở hữu	410		4.675.728.207.778
1. Vốn điều lệ	411		3.800.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(35.052.843.575)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		85.605.600.694
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		57.070.400.463
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		768.105.050.196
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		31.760.345.323
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		31.760.345.323
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		5.071.868.436.263

Phan Đình Đức
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2009

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008***MẪU B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		6.265.717.979.077
2. Các khoản giảm trừ	02		15.424.902.768
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	15	6.250.293.076.309
4. Giá vốn hàng bán	11	15	4.417.355.584.099
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.832.937.492.210
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	141.663.850.735
7. Chi phí tài chính	22	16	52.341.508.028
8. Chi phí bán hàng	24		234.716.223.886
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		208.580.649.446
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		1.478.962.961.585
11. Thu nhập khác	31		6.105.257.624
12. Chi phí khác	32		668.242.004
13. Lợi nhuận khác	40		5.437.015.620
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.484.399.977.205
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		119.566.215.487
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(6.996.279.876)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.371.830.041.594

Phan Đình Đức
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2009

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**MẪU B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT		
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	1.484.399.977.205
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Khấu hao tài sản cố định	02	1.074.965.585.977
Các khoản dự phòng	03	611.031.994.036
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(137.758.680.325)
Chi phí lãi vay	06	29.978.142.694
<i>3. Lưu chuyển tiền thuần trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	3.062.617.019.587
Tăng các khoản phải thu	09	(679.152.647.407)
Tăng khoản hàng tồn kho	10	(1.250.693.017.568)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay và thuế TNDN)	11	(418.167.111.543)
Giảm chi phí trả trước và tài sản khác	12	54.821.093.046
Tiền lãi vay đã trả	13	(29.978.142.694)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(116.111.351.918)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	141.253.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(57.982.351.757)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	565.494.742.746
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(72.917.698.713)
2. Tiền chi đầu tư dài hạn	25	(327.395.635.753)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	122.744.960.833
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(277.568.373.633)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(35.052.843.575)
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(580.104.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(944.326.697.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(1.559.483.540.575)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.271.557.171.462)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	1.972.351.999.312
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	700.794.827.850

Phan Đình Đức
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2009

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần, tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất dầu khí.

Ngày 15/5/2008, Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất dầu khí chuyển đổi thành Tổng Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần với vốn điều lệ là 3.800.000.000.000 đồng.

Ngày 1/9/2008, Tổng Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con theo Nghị quyết số 01/NĐ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty trong đó Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần (“Công ty”) được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Tổng Công ty, Ban Tổng Giám đốc, Ban quản lý dự án và Nhà máy Đạm Phú Mỹ.

Công ty Mẹ của Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 61,37% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 1.067.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Sản xuất và kinh doanh phân đạm, ammoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác; các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Sản xuất kinh doanh điện; Kinh doanh bất động sản, mua bán hàng nông lâm sản, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản và đào tạo nghề.

2. CƠ SỞ LẬP báo cáo tài chính VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc và báo cáo văn phòng Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần. Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong Công ty mẹ được loại trừ khi trình bày báo cáo tài chính của Công ty mẹ.

Đây là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính Công ty mẹ. Do đó, số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty mẹ không có số liệu so sánh. Để có đầy đủ thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty, báo cáo tài chính này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 20
Máy móc, thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư này được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất, chi phí lợi thế kinh doanh và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với số tiền 531.700.794.477 đồng và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 6 năm từ ngày 1/1/2007. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, việc phân bổ lợi thế thương mại trong thời gian 6 năm là phù hợp quy định về tài chính đối với doanh nghiệp cổ phần hóa của Nhà nước, cũng như phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và chi phí bảo hiểm tài sản. Chi phí công cụ, dụng cụ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí bảo hiểm tài sản được phân bổ theo thời gian thực tế mua bảo hiểm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian trong dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Đối với hoạt động kinh doanh phân đạm sản xuất tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% cho bảy năm tiếp theo. Năm nay là năm đầu tiên Công ty tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động chính do đây là năm thứ năm kinh doanh có lãi (kể từ khi đi vào hoạt động). Trong năm, lỗ của hoạt động khác được bù trừ vào lãi của hoạt động ưu đãi thuế để xác định thu nhập chịu thuế được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 28% tính trên thu nhập chịu thuế

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2008
	VND
Tiền mặt	1.377.304.802
Tiền gửi ngân hàng	164.417.523.048
Các khoản tương đương tiền	535.000.000.000
	700.794.827.850

Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng.

5. PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN

	31/12/2008
	VND
Công ty TNHH MTV TM dịch vụ Phân bón và Hóa chất dầu khí	131.037.986.910
Công ty TNHH MTV Phân bón hóa chất dầu khí Miền Trung	311.282.376.194
Công ty TNHH MTV Phân bón hóa chất dầu khí Miền Tây Nam Bộ	49.714.692.536
Công ty TNHH MTV Phân bón hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	49.973.864.826
Công ty TNHH MTV Phân bón hóa chất dầu khí Miền Bắc	64.890.021.494
	606.898.941.960

Phải thu nội bộ ngắn hạn chủ yếu phản ánh các khoản Công ty bán hàng cho các công ty con trong năm 2008.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2008
	VND
Hàng mua đang đi trên đường	7.238.258.681
Nguyên liệu, vật liệu	303.494.377.735
Công cụ, dụng cụ	7.434.940.679
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	99.616.437.831
Thành phẩm	34.440.671.194
Hàng hóa	1.199.166.234.597
	1.651.390.920.717
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(611.031.994.036)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	1.040.358.926.681

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho chủ yếu liên quan đến giá trị hàng hóa nhập khẩu còn tồn kho tại ngày 31/12/2008 với giá gốc tương ứng là 1.199.166.234.597 đồng.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài

chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2008	557.070.064.856	4.741.399.151.568	52.057.015.396	9.207.124.035	5.359.733.355.855
Mua trong năm	295.707.545	2.075.284.502	1.851.357.180	1.848.918.736	6.071.267.963
XDCB hoàn thành	7.024.876.166	-	-	22.053.310	7.046.929.476
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(751.494.164)	(751.494.164)
Giảm khác	(200.508.320)	-	-	(1.112.209.124)	(1.312.717.444)
Tại ngày 31/12/2008	564.190.140.247	4.743.474.436.070	53.908.372.576	9.214.392.793	5.370.787.341.686
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2008	207.974.838.983	2.446.300.198.950	23.646.675.295	5.139.951.384	2.683.061.664.612
Khấu hao trong năm	115.111.407.292	920.193.011.958	9.936.165.648	1.805.663.329	1.047.046.248.227
Tăng khác	-	-	-	9.188.880	9.188.880
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(751.494.164)	(751.494.164)
Giảm khác	(1.299.096.860)	-	-	(546.796.789)	(1.845.893.649)
Tại ngày 31/12/2008	321.787.149.415	3.366.493.210.908	33.582.840.943	5.656.512.640	3.727.519.713.906
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 1/1/2008	349.095.225.873	2.295.098.952.618	28.410.340.101	4.067.172.651	2.676.671.691.243
Tại ngày 31/12/2008	242.402.990.832	1.376.981.225.162	20.325.531.633	3.557.880.153	1.643.267.627.780

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền sáng chế	Tài sản cố định vô hình khác	Phần mềm	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2008	159.117.493.074	9.538.318.032	230.800.000	168.886.611.106
Mua trong năm	-	-	4.067.091.415	4.067.091.415
Tại ngày 31/12/2008	159.117.493.074	9.538.318.032	4.297.891.415	172.953.702.521
KHẤU HAO LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2008	86.771.188.902	5.201.509.773	171.233.467	92.143.932.142
Trích trong năm	26.278.253.976	1.575.253.212	65.830.562	27.919.337.750
Tại ngày 31/12/2008	113.049.442.878	6.776.762.985	237.064.029	120.063.269.892
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 1/1/2008	72.346.304.172	4.336.808.259	59.566.533	76.742.678.964
Tại ngày 31/12/2008	46.068.050.196	2.761.555.047	4.060.827.386	52.890.432.629

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	2008
	VND
Số dư đầu kỳ	27.230.037.407
Tăng thêm trong kỳ	143.589.383.082
Kết chuyển sang tài sản cố định	(7.046.929.476)
Giảm khác	(153.453.701)
Số dư cuối kỳ	163.619.037.312

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần	31/12/2008
	%	VND
Công ty TNHH MTV TM dịch vụ Phân bón và Hóa chất dầu khí	100	50.018.910.365
Công ty TNHH MTV Phân bón hóa chất dầu khí Miền Trung	100	14.301.995.880
Công ty TNHH MTV Phân bón hóa chất dầu khí Miền Tây Nam Bộ	100	20.233.813.141
Công ty TNHH MTV Phân bón hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	100	18.286.364.686
Công ty TNHH MTV Phân bón hóa chất dầu khí Miền Bắc	100	24.112.745.395
Công ty CP Bao bì Đạm Phú Mỹ	51	21.410.000.000
		148.363.829.467

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2008</u>
	VND
Góp vốn vào dự án 43 Mạc Đĩnh Chi	155.031.806.286
Đầu tư cổ phiếu	40.504.382.921
Đầu tư trái phiếu	10.000.000.000
	<u>205.536.189.207</u>

Ban Giám đốc đánh giá rằng giá trị của các khoản đầu tư dài hạn khác không bị suy giảm tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2008</u>
	VND
Trả trước tiền thuê đất	7.303.726.957
Lợi thế kinh doanh	369.942.119.287
Chi phí trả trước khác	348.949.982
	<u>377.594.796.226</u>

Tiền thuê đất trả trước bao gồm:

- Tiền thuê diện tích 634.595,35 m² tại KCN Phú Mỹ 1 được trả trước cho Công ty Đầu tư và Khai thác Hạ tầng KCN Đông Xuyên và Phú Mỹ 1 với thời gian thuê là 17 năm từ ngày 3/9/2004.
- Tiền thuê 20.000 m² đất tại cụm công nghiệp Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn được trả trước cho Công ty Cổ phần dịch vụ phát triển hạ tầng PBC với thời gian thuê là 45 năm từ ngày 1/1/2007.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2008</u>
	VND
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	73.626.023.370
Khác	12.001.632.548
	<u>85.627.655.918</u>

Công ty dự kiến chi phí bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy Đạm Phú Mỹ trong năm 2009 với số tiền là 4.336.809,91 USD tương đương với 73.626.023.370 VND.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 1/1/2008	3.800.000.000.000	-	-	-	6.456.449.212	570.704.004.627	4.377.160.453.839
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.371.830.041.594	1.371.830.041.594
Cổ phiếu quỹ mua trong năm	-	(35.052.843.575)	-	-	-	-	(35.052.843.575)
Trích từ lợi nhuận	-	-	85.605.600.694	57.070.400.463	83.147.994.868	(225.823.996.025)	-
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(948.605.000.000)	(948.605.000.000)
Thu khác	-	-	-	-	143.801.699	-	143.801.699
Chi quỹ	-	-	-	-	(57.987.900.456)	-	(57.987.900.456)
Số dư tại 31/12/2008	3.800.000.000.000	(35.052.843.575)	85.605.600.694	57.070.400.463	31.760.345.323	768.105.050.196	4.707.488.553.101

Trong năm, Công ty đã thực hiện mua tổng số 721.820 cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 5/4/2008.

Trong năm, Công ty đã trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi theo tỷ lệ tương ứng 15%, 10% và 5% trên lợi nhuận sau thuế của năm kết thúc 31/12/2007 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 5/4/2008.

Ngày 5/4/2008, Công ty đã công bố và chi trả cổ tức cho kỳ hoạt động từ ngày 1/9/2007 đến 31/12/2007 là 379.630.000.000 đồng (1.000 đồng/cổ phần) theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 5/4/2008. Ngày 12/9/2008 và 5/12/2008, Công ty đã công bố và tạm chia cổ tức của năm là 397.320.000.000 đồng (1.000 đồng/cổ phần) và 189.655.000.000 đồng (500 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết số 145/NQ-HĐQT và Nghị quyết số 209/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty như sau:

	<u>Tỷ lệ</u> (%)	<u>31/12/2008</u> VND
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	61,37	2.332.042.530.000
Các cổ đông khác	38,63	1.467.957.470.000
	100	3.800.000.000.000

Số lượng cổ phần Công ty đăng ký và đã phát hành ra công chúng tại ngày 31/12/2008 là 380.000.000 cổ phần, trong đó công ty đang nắm giữ 721.820 cổ phiếu quỹ tương đương với 721.820 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

15. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN

	<u>Kinh doanh hàng hóa</u> <u>sản xuất trong nước</u> VND	<u>Kinh doanh hàng hóa</u> <u>sản nhập khẩu</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Doanh thu	4.910.245.042.197	1.340.048.034.112	6.250.293.076.309
Giá vốn hàng bán	(2.106.647.528.599)	(2.310.708.055.500)	(4.417.355.584.099)
<i>Trong đó: Dự phòng</i>			
<i>giảm giá hàng tồn kho</i>	-	(611.031.994.036)	(611.031.994.036)
Lợi nhuận gộp	2.803.597.513.598	(970.660.021.388)	1.832.937.492.210

Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

	<u>2008</u> VND
Doanh thu URE	4.740.968.930.940
Doanh thu Amoniac	181.747.777.527
Doanh thu điện	2.890.547.806
Doanh thu khác	62.688.692
	4.925.669.944.965
Chiết khấu thương mại	15.424.902.768
	4.910.245.042.197

16. LÃI HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2008</u> VND
Doanh thu hoạt động tài chính	
Lãi tiền gửi	137.758.680.325
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.068.900.000
Khác	836.270.410
	141.663.850.735
Chi phí hoạt động tài chính	
Lãi tiền vay	29.978.142.694
Khác	22.363.365.334
	52.341.508.028
Lãi hoạt động tài chính	89.322.342.707

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Ngày 03/09/2005, Công ty đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLĐ/UDEC.2001 ngày 01/06/2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 20 năm.

Ngày 2/6/2008, Công ty đã ký Hợp đồng số 015 GT/2008-HDTC với Công ty Cổ phần Gemadept thuê văn phòng với thời hạn 3 năm và giá trị là 21,9 tỷ VND/năm.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, lịch thanh toán các khoản cam kết thuê như sau:

	31/12/2008
	VND
Trong vòng một năm	25.228.749.620
Từ năm thứ hai đến năm thứ 5	43.807.660.901
Sau năm năm	23.039.586.373
	92.075.996.894

Cam kết vốn

Theo Quyết định số 033/ĐQ-HĐQT ngày 24/03/2008, Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống sản xuất CO₂ từ khói thải Primary Reformer tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ với tổng mức đầu tư là 368.757.439.000 VND và đã được điều chỉnh là 606.869.000.000 VND theo Quyết định số 164/QĐ-HĐQT ngày 16/10/2008.

Theo Công văn số 4155/DKVN-CBDK, Tập đoàn Dầu khí đã chấp thuận cho Công ty đầu tư dự án xây dựng Nhà máy sản xuất DAP tại Maroc với tổng mức đầu tư là 600 triệu USD.

Cam kết khác

Theo Hợp đồng mua bán khí 188/2006-2007/PVGAS/TM-PVFCO/B1 ngày 31 tháng 3 năm 2006 và các Phụ lục, giá mua khí tại bể khí Cửu Long trong năm 2009 là 2,2 USD/MMBTU (2008: 2,2 USD/MMBTU) và giá khí Nam Côn Sơn là 3,41 USD/MMBTU đến 31/3/2009 và 3,48 USD/MMBTU đến 31/12/2009 (2008 3,41 USD/MMBTU).

18. SỐ LIỆU SO SÁNH

Đây là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo của Công ty mẹ, do đó không có số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
